

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN BIÊN SOẠN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA HÀNH CHÍNH VIỆT NAM

ĐẶNG THỊ PHƯỢNG *

Tóm tắt: Biên soạn *Từ điển bách khoa Hành chính Việt Nam* sẽ nghiên cứu vấn đề Hành chính dưới góc độ từ điển học với mục đích cung cấp công cụ tra cứu về lĩnh vực hành chính. Bài viết nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn biên soạn *Từ điển bách khoa Hành chính Việt Nam*.

Từ khóa: Hành chính, từ điển hành chính, từ điển bách khoa, từ điển bách khoa hành chính.

Abstract: Compiling an *Encyclopedic Dictionary of Vietnamese Administration* will study the issues of Administration from the perspective of Lexicography in order to provide a search tool in the administrative field. The article studies the theoretical and practical issues in compiling an *Encyclopedic Dictionary of Vietnamese Administration*.

Keywords: Administration, administrative dictionary, encyclopedic dictionary, encyclopedic dictionary of administration.

Trong công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước *Xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của*

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng đã trở thành mục tiêu quan trọng của hoạt động hành chính. Hành chính đã trở thành nội dung nghiên cứu tại nhiều công trình. Biên soạn công trình tra cứu về lĩnh vực hành chính cũng đã được thực hiện theo những cách khác nhau. Nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn biên soạn *Từ điển bách khoa Hành chính Việt Nam* với mục đích tổng kết những căn cứ về mặt lý luận và thực tiễn trong quá trình triển khai thực hiện đề tài.

1. Cơ sở lý luận

Về khái niệm “từ điển” có rất nhiều các quan điểm khác nhau: theo *Từ điển tiếng Việt*, “Từ điển: sách tra cứu tập hợp các đơn vị ngôn ngữ (thường là đơn vị từ vựng) và sắp xếp theo một thứ tự nhất định, cung cấp một số kiến thức đối với từng đơn vị” [4]; theo Nguyễn Văn Thạc, “từ điển là sách để tra cứu...; hoặc có từ điển thu thập hầu như toàn bộ hệ thống từ ngữ của một thứ tiếng, một tác giả, một tác phẩm; hoặc có từ điển chỉ thu thập,

* TS - Viện Ngôn ngữ học, Email: phuongtdbk36@gmail.com

mô tả một mảng từ ngữ nào đó, hoặc một khía cạnh, một mảng nào đó của từ ngữ...” [7, tr.114]; theo *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, “từ điển là sách tra cứu bao gồm các từ, ngữ được sắp xếp theo một trật tự nhất định, giải thích ý nghĩa các đơn vị được miêu tả, cung cấp các thông tin khác nhau về chúng hoặc dịch chúng ra một ngôn ngữ khác, hoặc thông báo những kiến thức về các đối tượng do chúng biểu thị” [12, tr.34]; theo *Giáo trình Từ điển học*, L. Zgusta đã dẫn quan niệm “từ điển” của C. C. Bergl: “Một cuốn từ điển là một danh mục được sắp xếp có hệ thống của các hình thức ngôn ngữ đã được xã hội hóa, thu thập từ những thói quen nói năng của một cộng đồng ngôn ngữ nhất định và được người biên soạn chú giải sao cho người đọc có một trình độ nhất định hiểu được ý nghĩa của từng hình thức ngôn ngữ riêng rẽ và biết được những điều cần yếu về chức năng của nó trong cộng đồng ngôn ngữ ấy” [13, tr.245];...

Theo *Từ điển bách khoa Việt Nam* (tập 4), “Từ điển được chia thành hai nhóm: từ điển ngôn ngữ và từ điển khái niệm. Từ điển ngôn ngữ có nhiều loại: từ điển tường giải (còn gọi là từ điển giải thích), từ điển đối dịch hai hoặc nhiều thứ tiếng, từ điển đồng nghĩa, từ điển trái nghĩa,... Từ điển khái niệm bao gồm các loại bách khoa thư, từ điển bách khoa, các loại từ điển thuật ngữ khoa học và từ điển thuật ngữ đối chiếu hai hay nhiều thứ tiếng” [3, tr.707]. Theo tác giả Vũ Quang Hào trong *Kiểm kê Từ điển học Việt Nam*, từ điển (gọi chung là “các công trình (sách) tra cứu”) bao gồm 3 loại chính: từ điển ngữ văn (một thứ tiếng và nhiều thứ tiếng); từ điển khái niệm (một thứ tiếng và nhiều thứ tiếng); các công trình bách khoa (từ

điển bách khoa và bách khoa thư) [2]. Trong cuốn *Lịch sử - Lý luận và thực tiễn biên soạn Bách khoa toàn thư*, “Từ điển bách khoa là kết quả của sự giao thoa giữa từ điển ngôn ngữ và bách khoa toàn thư... Về phương diện nội dung, từ điển bách khoa còn vươn sang khu vực bách khoa toàn thư, chủ yếu thể hiện nội dung các từ có tính khái niệm (từ có tính bách khoa), không chỉ có định nghĩa mà còn có phần diễn giải tính bách khoa của từ. Đồng thời cũng còn vươn sang khu vực từ điển ngôn ngữ, thu thập cả những từ mang tính ngôn ngữ” [8].

Thuật ngữ hành chính được dùng với nhiều nghĩa, trong *Từ điển tiếng Việt* [4] định nghĩa “Hành chính 1. Thuộc phạm vi chỉ đạo, quản lý việc chấp hành luật pháp, chính sách của nhà nước. *Cơ quan hành chính các cấp*. 2. Thuộc về những cơ quan sự vụ như văn thư, tổ chức, kế toán,... trong cơ quan nhà nước. *Công tác hành chính. Cán bộ hành chính*. 3. Có tính chất giấy tờ, mệnh lệnh, khác với giáo dục, thuyết phục. *Biện pháp hành chính*”.

Tiếng Latinh, thuật ngữ hành chính (administrare) có hai nghĩa: 1. Giúp đỡ, hỗ trợ, phục vụ; 2. Quản lý, hướng dẫn, cai trị.

Theo Từ nguyên Hán Việt, “hành” trong chữ “hành chính” có nghĩa là “làm”. Chữ “chính” có nghĩa là “ngay thẳng, khuôn phép, chính đáng, phải, ở giữa”, từ đó hành chính dịch theo nghĩa: “Hành chính là làm cho ngay thẳng, việc quan, việc nhà nước, cai trị”. Như vậy theo nghĩa Hán Việt thì có thể tạm dịch nghĩa “hành chính là việc làm cho ngay thẳng”.

Khái niệm hành chính dẫn theo tác giả Đinh Ngọc Vượng viết trong Đề tài *Biên soạn Từ điển bách khoa cải cách hành*

chính ở Việt Nam [dẫn theo Đinh Ngọc Vượng viết tại 6] một số khái niệm về hành chính trong một số cuốn sách từ điển nước ngoài: theo *Đại từ điển Pháp luật* (Большой юридический словарь. - М.: Инфра - М. А. Я. Сухарев, В. Е. Крутских, А. Я. Сухарева, 2003), Hành chính có các nghĩa 1. Quản lý các công việc của xã hội; 2. Một ban được lập ra để điều hành các công việc của pháp nhân; 3. Tổng thể các biện pháp mà chính phủ áp dụng để tổ chức nhà nước; 4. Quản lý tài sản của chủ nợ bị phá sản, theo thỏa thuận giữa các bên; theo *Từ điển thuật ngữ tiếng nước ngoài* (Новый словарь иностранных слов, by EdwART, 2009) [dẫn theo Đinh Ngọc Vượng viết tại 6], Hành chính (tiếng Latinh, administrate - quản lý, lãnh đạo): 1. Hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước; hoạt động có tổ chức trong lĩnh vực quản lý; 2. Các cơ quan hành pháp của nhà nước; bộ máy chính phủ; 3. Người có chức vụ lãnh đạo nhân sự nào đó, cơ quan, xí nghiệp nào đó; 4. Người điều hành, người có trách nhiệm điều hành việc gì đó.

Thuật ngữ hành chính được hiểu dưới góc độ để biên soạn *Từ điển bách khoa Hành chính Việt Nam: hành chính gồm toàn bộ hoạt động quản lý hành chính nhà nước; các công việc sự vụ, đảm bảo nề nếp, trật tự hoạt động chung của các cơ quan, tổ chức; việc đưa các hoạt động vào khuôn khổ, nề nếp*.

Các công trình nghiên cứu và tra cứu về lĩnh vực hành chính trên thế giới có thể kể đến các công trình sau: 公共政策辞典 (*Từ điển Chính sách công*) của tác giả Ngô Định, Nxb. Công ty Sách Ngũ Nam phát hành năm 2005 (bản tái bản có bổ sung lần

3), Từ điển gồm 750 mục từ, 494 trang, các mục từ đều xếp thứ tự bảng chữ cái theo phiên âm tiếng Trung. 中国公共管理简明辞典 (*Từ điển Quản lý công Trung Quốc giản minh*) do tác giả Lý Tú Trung làm Chủ biên, Nxb. Nhân dân Sơn Đông phát hành năm 2012, Từ điển gồm 580 mục từ, 424 trang, chia làm các chủ đề: Lý luận cơ bản về Hành chính học và Hành chính công; Chính sách công, Chính sách xã hội, Chính sách kinh tế công; Hành chính pháp luật; Lý luận Chính sách công; Quản lý hành chính kinh tế giáo dục; Quản lý hành chính văn hóa; Hành chính và chính phủ Trung Quốc đương đại; Chế độ công vụ; Khoa học quản lý; Hành chính điện tử; Cơ quan Hành chính công; Tổ chức phi chính phủ; Học giả nghiên cứu Hành chính công. *Public administration for the twenty-first century (Hành chính công trong thế kỷ XXI)* của tác giả P. J. Cooper, L. Brady, O. Hidalgo-Hareman, Nxb. Harcourt Brace College phát hành năm 1998, công trình bàn về Hành chính công ở thế kỷ XXI và vấn đề cải cách; những vấn đề cơ bản về luật pháp, đạo đức, trách nhiệm đạo đức, hoạt động và mối quan hệ giữa các chính phủ, tài chính liên bang và quản lý nguồn nhân lực, vấn đề ngân sách, chính trị,... *Public administration: Understanding management, politics, and law in the public sector (Hành chính công: Hiểu biết về quản lý, chính trị và pháp luật trong khu vực công)* của các tác giả David H. Rosenbloom, Deborah D. Goldman do Nxb. McGraw-Hill phát hành năm 1998, công trình đề cập đến các chủ đề quản lý, chính trị và luật pháp trong lĩnh vực công, hành chính công. *Public Administration (Hành chính công)* của tác giả Howard R. Balanoff do Dushkin/McGraw-Hill phát hành năm

2001, công trình bao gồm các bài viết về quản lý hành chính. *Public administration in Southeast Asia: Thailand, Philippines, Malaysia, Hong Kong and Macao* (Hành chính công ở Đông Nam Á: Thái Lan, Philippines, Malaysia, Hong Kong và Macao) của tác giả Evan M. Berman, Nxb. CRC phát hành năm 2010, công trình giới thiệu về Hành chính công và Chính sách công ở một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

Các công trình nghiên cứu về lĩnh vực hành chính của Việt Nam có thể kể đến các công trình sau: đề tài *Nghiên cứu cơ sở khoa học hoàn thiện chế độ công vụ ở Việt Nam* do tác giả Nguyễn Trọng Điều làm Chủ nhiệm (Bộ Nội vụ, 2006); đề tài *Luận cứ khoa học phân định ngạch công chức, ngạch viên chức nhà nước* do tác giả Nguyễn Minh Phương làm Chủ nhiệm (Bộ Nội vụ, 2005); đề tài *Quản trị công trong thời kỳ cải cách hành chính ở Việt Nam* do tác giả Lê Văn Chiến làm Chủ biên (2016); đề tài *Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân* do tác giả Thang Văn Phúc làm Chủ nhiệm (Bộ Nội vụ, 2005); đề tài *Cơ sở khoa học của đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hành chính theo nhu cầu công việc* do tác giả Nguyễn Ngọc Vân làm Chủ nhiệm (Bộ Nội vụ, 2007); đề tài *Các giải pháp nâng cao chất lượng, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu quản lý công mới và hội nhập kinh tế quốc tế* do tác giả Lại Đức Vượng làm Chủ nhiệm (Bộ Nội vụ, 2010); đề tài *Đổi mới phương pháp đánh giá công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước* do tác giả Hà Quang Ngọc làm Chủ nhiệm (Bộ Nội vụ, 2011);

sách chuyên khảo *Hoàn thiện pháp luật công chức, công vụ đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính nhà nước* của tác giả Tạ Ngọc Hải (2013); cuốn *Đổi mới, hoàn thiện bộ máy nhà nước trong giai đoạn hiện nay* của tác giả Bùi Xuân Đức; cuốn *Công chức và vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hiện nay* của tác giả Tô Tử Hạ; sách chuyên khảo *Đảng Cộng sản Việt Nam với việc cải cách nền hành chính nhà nước* của tác giả Trần Đình Thắng (2011); các luận án tiến sĩ *Thủ tục hành chính trong hoạt động của ủy ban nhân dân huyện* của Trần Thanh Phương (2004); *Quá trình cải tổ Bungari (1987 - 1990)* của Lê Trung Dũng (2003);...

Các công trình, đề tài nghiên cứu thực trạng và những vấn đề lý luận về thể chế hành chính, bộ máy hành chính, chính quyền địa phương, công chức công vụ, vi phạm hành chính, dịch vụ công, phân cấp hành chính, tài chính công, cuối cùng là các kiến nghị và giải pháp. Có thể khẳng định những kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở lý luận cho nghiên cứu biên soạn *Từ điển bách khoa Hành chính Việt Nam*.

2. Cơ sở thực tiễn biên soạn *Từ điển bách khoa Hành chính Việt Nam*

Quản lý hành chính nhà nước là hoạt động quan trọng do Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp thực hiện. Quyền hành pháp, hoạt động quản lý hành chính Nhà nước, luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của xã hội. Trong công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước, xây dựng nền hành chính Nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã trở thành mục tiêu quan trọng của hoạt động hành chính.

Ở nước ta, Chính phủ và các cơ quan nhà nước Trung ương do Quốc hội thành lập và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động trước Quốc hội. Quyền lực nhà nước thống nhất có sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện lập pháp, quyền hành pháp và tư pháp. Quyền hành pháp là một trong những quyền cơ bản, chi phối và có vai trò quan trọng quyết định đến toàn bộ hoạt động của bộ máy Nhà nước.

Hành chính là nội dung quan tâm, nghiên cứu của giới khoa học pháp lý,... Các chủ đề nghiên cứu trong lĩnh vực hành chính gồm những vấn đề lý luận về hành chính, bộ máy hành chính, cơ quan hành chính, chính quyền địa phương, dịch vụ công, tài chính công, vi phạm hành chính, phân cấp hành chính,...

Nghiên cứu vấn đề hành chính trên phương diện Từ điển học đã được tác giả Tô Tử Hạ thực hiện với công trình *Từ điển hành chính* [1] nhưng hệ thống các mục từ và nội dung mục từ sau 15 năm cần bổ sung, cập nhật.

Mặt khác, các thuật ngữ hành chính, khái niệm hành chính được giải thích tại các cuốn từ điển hành chính, từ điển thuật ngữ hành chính có thể kể đến: *Từ điển giải thích thuật ngữ hành chính* do các tác giả Mai Hữu Khuê và Bùi Nam Nhơn làm Chủ biên (2002); *Thuật ngữ hành chính* do tác giả Bùi Thế Vĩnh làm Chủ biên (2000); *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học* của Trường Đại học Luật Hà Nội [9], *Từ điển bách khoa Việt Nam* (4 tập) (1995-2005); *Từ điển giải thích Luật học* do Trần Minh Hương làm Chủ biên (1999); *Từ điển pháp luật phổ thông* do tác giả Trần Văn Thắng biên soạn (2009); *Từ điển giải thích thuật ngữ pháp lý thông dụng* của

tác giả Nguyễn Duy Lâm (2001); *Sổ tay Thuật ngữ pháp lý thông dụng* do Nguyễn Duy Lâm làm Chủ biên (1996); bộ *Từ điển bách khoa Việt Nam* 4 tập,...

Từ điển bách khoa Hành chính Việt Nam được triển khai thực hiện biên soạn trong 4 năm, trong đó bảng mục từ gồm hệ thống các mục từ được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái. Nội dung mục từ cung cấp những kiến thức chuyên sâu mang tính bách khoa về lĩnh vực hành chính chứ không chỉ dừng lại ở việc giải thích thuật ngữ như nội dung mục từ của các từ điển trước. Mặt khác, mục từ của *Từ điển bách khoa Hành chính Việt Nam* cũng không chuyên sâu bằng bách khoa toàn thư.

Biên soạn *Từ điển bách khoa Hành chính Việt Nam* nghiên cứu vấn đề Hành chính dưới góc độ Từ điển học với mục đích cung cấp những luận cứ khoa học về những vấn đề lý luận và thực tiễn về các chủ đề: tổng thể các chế định về tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính của Nhà nước; Cơ quan hành chính; Chính quyền địa phương; Dịch vụ công, tài chính công; Vi phạm hành chính, phân cấp hành chính;... Việc biên soạn *Từ điển bách khoa Hành chính Việt Nam* là sự tham gia và đóng góp trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền, hiện đại hóa nền hành chính của cả nước.

Tóm lại, mục tiêu biên soạn *Từ điển bách khoa Hành chính Việt Nam* là để cung cấp bộ công cụ tra cứu thiết thực hữu hiệu, tương đối đầy đủ, có giá trị về hệ thống các khái niệm, thuật ngữ, chính sách, thủ tục về hành chính... Các mục từ được thu thập, giải thích rõ ràng, đầy đủ và chuyên sâu, sẽ là công cụ dùng để tra cứu về lĩnh vực hành chính, phục vụ đông đảo tầng lớp nhân dân và cán bộ, công chức từ

Trung ương đến địa phương khi thực thi công vụ và giải quyết các công việc hành chính. Mặt khác, *Từ điển bách khoa Hành chính Việt Nam* cũng là bộ công cụ tra cứu, tài liệu tham khảo có giá trị cho các nhà quản lý, nhà nghiên cứu, học sinh, sinh viên và những người muốn tìm hiểu về lĩnh vực hành chính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tô Tử Hạ, *Từ điển Hành chính*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2007.
- [2] Vũ Quang Hào, *Kiểm kê Từ điển học Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005.
- [3] Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, *Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập 4, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2005.
- [4] Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2004.
- [5] Đặng Thị Phụng (Chủ nhiệm đề tài), *Biên soạn Từ điển bách khoa Hành chính Việt Nam*, đề tài cấp Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2019-2022).
- [6] Đặng Thị Phụng (Chủ nhiệm đề tài), *Biên soạn Từ điển bách khoa Cải cách Hành chính ở Việt Nam*, đề tài cấp Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2017-2018).
- [7] Nguyễn Văn Thạc, *Mấy vấn đề từ ngữ và chữ viết*, Nxb. Sáng tạo, Matxcova, 2001.
- [8] Hà Học Trạc, *Lịch sử - Lí luận và thực tiễn biên soạn bách khoa toàn thư*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2004.
- [9] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 1999.
- [10] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2013.
- [11] Viện Ngôn ngữ học, *Một số vấn đề Từ điển học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007.
- [12] Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1996.
- [13] Zgusta, L., Hồ Hải Thụy và Vũ Ngọc Bảo dịch, *Giáo trình Từ điển học*, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội, 1978.